

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/LĐ-PT

Ngày: 04/3/2025

V/v Tranh chấp đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động,
tiền lương, trợ cấp thôi việc, phụ
cấp cán bộ công đoàn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Ngọc Tài

Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên tòa:

Ông Chu Minh Sang - Thư ký Tòa án nhân

dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Bá Thu Thu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số A N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 92/2024/TLPT-LĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024, về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, tiền lương, trợ cấp thôi việc, phụ cấp cán bộ công đoàn”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 827/2024/LĐ-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 504/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Tuyết N, sinh năm 1981, có mặt.

Địa chỉ: 2 N, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn R.

Trụ sở chính: Lầu 3, Khách sạn T, số B H, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Nguyễn Tâm Đ, vắng mặt.

Địa chỉ thường trú: 168/21 T, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Bà Võ Thị Tuyết N - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 29/6/2018, bản tự khai và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết N trình bày:

Từ ngày 06/3/2017 đến ngày 05/5/2017 bà Võ Thị Tuyết N thử việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn R (sau đây gọi là Công ty) theo Thư mời thử việc ngày 03/3/2017. Sau đó bà N và Công ty ký hợp đồng lao động số RVL-HDLD24052017-0178 ngày 24/5/2017, loại hợp đồng lao động xác định thời hạn 1 năm kể từ ngày 06/5/2017 đến ngày 05/5/2018, chức vụ nhân sự, lương và các khoản phụ cấp hàng tháng là 27.500.000 đồng/tháng. Từ tháng 12/2017 đến tháng 4/2018 bà N nghỉ theo chế độ thai sản theo quy định pháp luật. Ngày 06/4/2018 Công ty B Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động số 01/TB-RVL về việc Công ty sẽ không tái ký hợp đồng lao động với bà N và hợp đồng lao động hết hiệu lực từ ngày 05/5/2018. Ngày 04/5/2018 Công ty B Quyết định số RVL-QDTV-2018-12 về việc chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 06/5/2018 đối với bà N.

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2018, bà N khởi kiện Công ty yêu cầu như sau:

- Công ty trả chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế trong thời gian Công ty đã giữ thẻ bảo hiểm y tế, số tiền tương đương ba tháng tiền công, tiền lương là 82.500.000 đồng.

- Công ty G xin lỗi công khai trước toàn thể người lao động của Công ty về việc Công ty đã xúc phạm nhân phẩm bà N vào ngày 04/01/2018.

- Công ty trả tiền lương, tiền công của tháng 3,4,và 5/2018 là khoảng thời gian bà N tham dự các buổi hòa giải, các phiên tòa liên quan đến hành vi Công ty đã trừ lương tháng 13 với số tiền 82.500.000 đồng.

- Công ty trả trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp do Công ty không chốt sổ bảo hiểm xã hội dẫn đến việc bà N không hưởng được bảo hiểm thất nghiệp với số tiền 82.500.000 đồng.

- Công ty trả trợ cấp thôi việc cho thời gian hai tháng thử việc từ ngày 06/3/2017 đến ngày 05/5/2017 với số tiền 13.750.000 đồng.

- Công ty đăng ký người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh thuế thu nhập cá nhân.

Tại Đơn bổ sung ngày 27/7/2018, bà N yêu cầu:

- Công ty gia hạn hợp đồng lao động đến hết nhiệm kỳ Ban chấp hành Công đoàn cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành ngày 30/5/2022.

- Công ty chi trả phụ cấp cán bộ công đoàn từ tháng 6/2017 đến tháng 7/2018 với số tiền 8.775.000 đồng.

- Công ty C, tiền công từ tháng 5/2018 đến tháng 7/2018 với số tiền 82.500.000 đồng.

- Công ty T1, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà N từ tháng 5/2018

- Công ty mời bà N trở lại làm việc.

Tại bản tự khai đề ngày 21/6/2023 bà N đã thay đổi yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện ngày 29/6/2018, Đơn bổ sung 27/7/2018 cụ thể như sau:

- Chi trả tiền lương theo hợp đồng lao động số RVL-HDL24052017-0178 từ tháng 6/2018 đến hết tháng 5/2022 là 1.650.000.000 đồng do bị đơn đã không gia hạn hợp đồng lao động đã ký kết đến hết nhiệm kỳ theo khoản 6 Điều 192 Bộ luật lao động 2012 và Điều 25 Luật Công đoàn 2012 khi bà N là cán bộ công đoàn không chuyên trách đang trong nhiệm kỳ công đoàn.

- Chi trả phụ cấp cán bộ Công đoàn: Từ tháng 6/2017 đến tháng 11/2017 số tiền 4.050.000 đồng, từ tháng 6/2018 đến tháng 12/2019 số tiền 8.775.000 đồng, từ tháng 01/2020 đến tháng 5/2022 số tiền 20.662.500 đồng.

- Chi trả trợ cấp thôi việc do Công ty không đóng bảo hiểm thất nghiệp trong hai tháng thử việc và 6 tháng thai sản số tiền 13.750.000 đồng.

- Thanh toán tiền cho 9 ngày nghỉ hàng năm chưa nghỉ hết số tiền 11.250.000 đồng.

- Thanh toán tiền lãi chậm trả theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm thanh toán.

- Ông Bùi Nguyễn Tâm Đ, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH R công khai xin lỗi tại tòa do ngày 04/01/2018 qua email gửi BGĐ Công ty, ông Đ đã xúc phạm nhân phẩm khi bà N gửi email yêu cầu công ty phát thẻ BHYT để khám chữa bệnh.

Theo Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 10/10/2023, bà N bổ sung yêu cầu Công ty bồi thường 02 tháng tiền lương do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 55.000.000 đồng.

Theo Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 10/6/2024, bà N bổ sung yêu cầu Công ty trích đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và xuất chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân cho người lao động.

Ngày 10/7/2024 bà N có đơn điều chỉnh yêu cầu khởi kiện bà N thay đổi toàn bộ yêu cầu khởi kiện như sau:

- Yêu cầu số 1: Chi trả tiền lương theo hợp đồng lao động số RVL-HDL24052017-0178 từ tháng 5/2018 đến hết tháng 6/2018 là 55.000.000 đồng do Công ty đã không gia hạn hợp đồng lao động đã ký kết đến hết nhiệm kỳ Ban chấp hành Công đoàn cơ sở theo khoản 6 Điều 192 Bộ luật lao động 2012 và Điều 25 Luật Công đoàn 2012.

- Yêu cầu số 2: Chi trả phụ cấp cán bộ Công đoàn từ tháng 6/2017 đến tháng 11/2017 số tiền 4.050.000 đồng.

- Yêu cầu số 3: Chi trả trợ cấp thôi việc theo quy định của Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2012 do Công ty không đóng bảo hiểm thất nghiệp trong hai tháng thử việc và 6 tháng thai sản số tiền 13.750.000 đồng.

- Yêu cầu số 4: Thanh toán tiền cho 9 ngày nghỉ hàng năm chưa nghỉ hết theo Điều 114 của Bộ luật Lao động với số tiền 11.250.000 đồng.

- Yêu cầu số 5: Bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động vì Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012 với số tiền 55.000.000 đồng.

- Yêu cầu số 6: Thanh toán tiền lãi chậm trả theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm thanh toán.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N có yêu cầu khởi kiện như sau:

- Yêu cầu số 1: Chi trả tiền lương theo hợp đồng lao động số RVL-HDL24052017-0178 từ tháng 5/2018 đến hết tháng 6/2018 là 55.000.000 đồng do Công ty đã không gia hạn hợp đồng lao động đã ký kết đến hết nhiệm kỳ Ban chấp hành Công đoàn cơ sở theo khoản 6 Điều 192 Bộ luật lao động 2012 và Điều 25 Luật Công đoàn 2012.

- Yêu cầu số 2: Chi trả phụ cấp cán bộ Công đoàn từ tháng 6/2017 đến

tháng 11/2017 theo quy định pháp luật.

- Yêu cầu số 3: Chi trả trợ cấp thôi việc theo quy định của Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2012 do Công ty không đóng bảo hiểm thất nghiệp trong hai tháng thử việc và 6 tháng thai sản số tiền 13.750.000 đồng.

- Yêu cầu số 4: Thanh toán tiền cho 9 ngày nghỉ hàng năm chưa nghỉ hết theo Điều 114 của Bộ luật Lao động với số tiền 11.250.000 đồng.

- Yêu cầu số 5: Bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động vì Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012 với số tiền 55.000.000 đồng.

- Yêu cầu số 6: Thanh toán tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

Bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn R do ông Bùi Nguyễn Tâm Đ đại diện theo pháp luật trình bày tại các bản tự khai, biên bản hòa giải:

Công ty xác nhận quá trình thử việc, ký kết hợp đồng và chấm dứt hợp đồng như bà N trình bày.

Trong quá trình làm việc bà N làm hồ sơ để hưởng sai chế độ bảo hiểm tại Bảo hiểm xã hội quận P. Bảo hiểm xã hội quận P đã có công văn số 1125/CV-BHXX ngày 18/12/2017 về việc yêu cầu Công ty kiểm tra lại và thu hồi số tiền đã chi cho bà N là 26.917.900 đồng theo Quyết định số 212/QĐ-BHXX ngày 26/02/2018. Công ty đã đóng thay số tiền này cho Bảo hiểm xã hội quận P và yêu cầu bà N trả lại.

Sau đó bà N đã khởi kiện Công ty tranh chấp về lao động tại Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N đã có đơn đề nghị Công ty hỗ trợ số tiền 10.000.000 đồng. Công ty đồng ý. Bà N đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận đã đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 571/2018/QĐST-LĐ ngày 28/5/2018. Do đó Công ty không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 827/2024/LĐ-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 178, Điều 179, Điều 244, Điều 264, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 36, Điều 47, Điều 48, Điều 96, Điều 111, Điều 114, Điều

201 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 7, khoản 8 Điều 1, khoản 5 Điều 4, điểm k khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Công đoàn 2012;

- Điểm a khoản 2 Điều 10, điểm b khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công đoàn Việt Nam được thông qua Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XI thông qua ngày 30/7/2013;

- Điểm 3 mục A của Hướng dẫn số 398/HD-TLĐ ngày 28/3/2012 của T2;

- Điểm b, điểm c khoản 9.3 điều 9 của hướng dẫn số 238/HD-TLĐ ngày 04/3/2014 của T2 về hướng dẫn thi hành điều lệ C1;

- Điều 3 Nghị định số 153/2016/NĐ-CP ngày 14/11/2016 của Chính phủ, mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh là 3.750.000 đồng/tháng.

- Khoản 2.2 điểm 2 mục II của Quyết định 1439/QĐ-TLĐ ngày 14/12/2011 của T2;

- Khoản 6 Điều 42 văn bản hợp nhất số 2525/VBHN-BHXH ngày 15/8/2013 của B1;

- Điều 6 Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ;

- Khoản 3, khoản 4 Điều 14, Điều 24, khoản 3, khoản 4 Điều 26 của nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ;

- Quyết định số 2173/QĐ-NHNN ngày 28/10/2014 của Ngân hàng N1

- Khoản 1 Điều 12 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Tuyết N, cụ thể:

1.1 Công ty Trách nhiệm hữu hạn R có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Tuyết N phụ cấp cán bộ Công đoàn từ tháng 6/2017 đến tháng 11/2017 theo quy định pháp luật với số tiền là 3.375.000 đồng (Ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

1.2 Công ty Trách nhiệm hữu hạn R có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Tuyết N tiền lương cho 9 ngày nghỉ hàng năm mà bà N chưa nghỉ với số tiền là 11.250.000 đồng (Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

1.3 Công ty Trách nhiệm hữu hạn R có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Tuyết N tiền lãi chậm trả là 5.026.793 đồng (Năm triệu hai mươi sáu nghìn bảy trăm chín mươi ba đồng).

1.4 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N là:

2.1 Công ty Trách nhiệm hữu hạn R có trách nhiệm trả tiền lương theo hợp đồng lao động số RVL-HDL24052017-0178 từ tháng 5/2018 đến hết tháng 6/2018 với số tiền là 55.000.000 đồng do không gia hạn hợp đồng lao động đã ký kết đến hết nhiệm kỳ Ban chấp hành Công đoàn cơ sở theo khoản 6 Điều 192 Bộ luật lao động 2012 và Điều 25 Luật Công đoàn 2012.

2.2 Công ty Trách nhiệm hữu hạn R có trách nhiệm trả trợ cấp thôi việc theo quy định của Điều 48 của Bộ luật Lao động năm 2012 do không đóng bảo hiểm thất nghiệp trong hai tháng thử việc và sáu tháng thai sản với số tiền là 13.750.000 đồng.

2.3 Công ty Trách nhiệm hữu hạn R có trách nhiệm bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động vì đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012 với số tiền 55.000.000 đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà N là:

3.1 Công ty trả chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế trong thời gian Công ty đã giữ thẻ bảo hiểm y tế, số tiền tương đương ba tháng tiền công, tiền lương là 82.500.000 đồng.

3.2 Công ty gửi thư điện tử xin lỗi công khai trước toàn thể người lao

động của Công ty về việc Công ty đã xúc phạm nhân phẩm bà N vào ngày 04/01/2018.

3.3 Công ty trả tiền lương, tiền công của tháng 3,4,và 5/2018 là khoảng thời gian bà N tham dự các buổi hòa giải, các phiên tòa liên quan đến hành vi Công ty đã trừ lương tháng 13 với số tiền 82.500.000 đồng.

3.4 Công ty trả trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp do Công ty không chốt sổ bảo hiểm xã hội dẫn đến việc bà N không hưởng được bảo hiểm thất nghiệp với số tiền 82.500.000 đồng.

3.5 Công ty đăng ký người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh thuế thu nhập cá nhân.

3.6 Công ty T1, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà N từ tháng 5/2018

3.7 Công ty mời bà N trở lại làm việc.

3.8 Ông Bùi Nguyễn Tâm Đ, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH R công khai xin lỗi tại tòa do ngày 04/01/2018 qua email gửi BGĐ Công ty, ông Đ đã xúc phạm nhân phẩm khi bà N gửi email yêu cầu công ty phát thẻ BHYT để khám chữa bệnh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 28/8/2024, nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết N nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Võ Thị Tuyết N là nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Cụ thể bà N yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà đối với Công ty TNHH R.

Công ty TNHH R không kháng cáo bản án sơ thẩm và vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm đến lần thứ hai.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các bên đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đơn kháng cáo của nguyên đơn là trong hạn luật quy định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Xét kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ, cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên án là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét giải quyết. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về hình thức:

Ngày 16/8/2024, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm và tuyên án vụ án. Ngày 28/8/2024, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn, kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 827/2024/LĐ-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận. Đơn kháng cáo của nguyên đơn có nội dung phù hợp theo quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và được gửi đúng thời hạn luật định theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên kháng cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ (niêm yết) triệu tập bị đơn Công ty TNHH R và ông Bùi Nguyễn Tâm Đ là người đại diện theo pháp luật của bị đơn tham gia phiên tòa phúc thẩm vào các ngày 08/01/2025 và ngày 04/3/2025 nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết N:

- Yêu cầu xác định Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với bà N theo quyết định số RVL-QDTV-2018-12 ngày 04/5/2018 kể từ ngày 06/5/2018 là trái pháp luật do bà nhưng là Cán bộ Công đoàn đang còn trong nhiệm kỳ đến hết tháng 6/2018 nên phải bồi thường cho bà N:

Xét thấy, ngày 30/6/2017 Ban chấp hành Liên đoàn Lao động quận P ra Quyết định số 219/QĐ-CD về việc thành lập công đoàn cơ sở Công ty, chỉ định Ban chấp hành công đoàn lâm thời và bà N là Phó Chủ tịch công đoàn. Ngày 31/12/2019 Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động quận P ra Quyết định số 495/QĐ-LĐLĐ về việc giải thể Công đoàn cơ sở Công ty.

Theo công văn số 171/CV-LĐLĐ ngày 11/8/2023 của Liên đoàn lao động quận P, sau khi thành lập tham gia sinh hoạt công đoàn và thực hiện trích nộp kinh phí, đoàn phí từ tháng 6/2017 đến tháng 12/2017; tuy nhiên kể từ ngày 01/01/2018 Ban chấp hành công đoàn cơ sở không tổ chức hoạt động và tham gia sinh hoạt với L quận, không thực hiện củng cố nhân sự và chưa tổ chức Đại hội công đoàn chính thức theo quy định. Sau thời gian 24 tháng không tổ chức hoạt động, Ban Thường vụ L đã ra quyết định giải thể công đoàn Công ty.

Theo khoản 8 Điều 1 Luật công đoàn 2012; điểm a khoản 2 Điều 10, điểm b khoản 1 Điều 13 Điều lệ công đoàn Việt Nam được thông qua C1 lần thứ XI thông qua ngày 30/7/2013; điểm b khoản 9.3 Điều 9 của hướng dẫn số 238/HD-TLĐ ngày 04/3/2014 của T2 về hướng dẫn thi hành điều lệ C1, nhiệm kỳ công đoàn cơ sở khác với thời gian hoạt động ban chấp hành lâm thời công đoàn cơ sở. Những đơn vị, doanh nghiệp chưa có tổ chức Công đoàn, Công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định ban chấp hành lâm thời Công đoàn, thời gian hoạt động ban chấp hành lâm thời là không quá 12 tháng. Trường hợp quá 12 tháng chưa tổ chức đại hội thì công đoàn cấp trên trực tiếp xem xét quyết định bằng văn bản cho phép kéo dài thời gian hoạt động của ban chấp hành công đoàn lâm thời nhưng không quá 6 tháng; hoặc chấm dứt hoạt động của ban chấp hành công đoàn lâm thời cũ và chỉ định ban chấp hành lâm thời công đoàn mới. Thời gian hoạt động của Ban chấp hành Công đoàn lâm thời không quá 12 tháng, chứ không phải bắt buộc là đủ 12 tháng; đồng thời đây cũng không phải là nhiệm kỳ của Ban Chấp H Công đoàn được bầu ra tại Đại hội công đoàn chính thức.

Bên cạnh đó, theo điểm 3 mục A của Hướng dẫn số 398/HD-TLĐ ngày 28/3/2012 của T2, người tham gia ban chấp hành ngoài đảm bảo theo tiêu chuẩn, còn phải đáp ứng các điều kiện sau: Về tham gia ban chấp hành lần đầu: Có đủ tuổi công tác để đảm nhiệm ít nhất trọn một nhiệm kỳ đại hội công đoàn. Tại thời điểm ngày 30/6/2017 Ban chấp hành Liên đoàn Lao động quận P ra Quyết định chỉ định Ban chấp hành công đoàn lâm thời và bà N là Phó Chủ tịch công đoàn cơ sở thì thời hạn hợp đồng lao động chỉ còn 10 tháng 5 ngày.

Thực tế, kể từ ngày 01/01/2018 Ban chấp hành lâm thời công đoàn cơ sở của Công ty không tổ chức hoạt động và tham gia sinh hoạt với L. quận, không thực hiện củng cố nhân sự và chưa tổ chức Đại hội công đoàn chính thức theo quy định, nên công đoàn cơ sở của Công ty đã giải thể ngày 31/12/2019. Công đoàn cấp trên trực tiếp cũng không có văn bản cho phép kéo dài thời gian hoạt động của ban chấp hành công đoàn lâm thời cũ, cũng không chỉ định ban chấp hành lâm thời công đoàn mới.

Căn cứ điểm c khoản 9.3 Điều 9 của hướng dẫn số 238/HD-TLĐ ngày 04/3/2014 của T2 về hướng dẫn thi hành điều lệ C1, Ban chấp hành công đoàn lâm thời của Công ty cũng chấm dứt khi giải thể tổ chức công đoàn.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 13 Điều lệ công đoàn Việt Nam được thông qua đại hội công đoàn Việt Nam lần thứ XI thông qua ngày 30/7/2013 thì khi thôi việc thì đương nhiên thôi tham gia ban chấp hành. Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà N với Công ty là loại hợp đồng lao động xác định thời hạn 1 năm kể từ ngày 06/5/2017 đến ngày 05/5/2018. Bà N nghỉ thai sản từ tháng 12/2017 đến tháng 5/20218. Công ty ra Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động số 01/TB-RVL ngày 06/4/2018 với nội dung Công ty sẽ không tái ký hợp đồng lao động với bà N và ban hành Quyết định số RVL-QDTV-2018-12 ngày 04/5/2018 chấm dứt hợp đồng lao động với bà N kể từ ngày 06/5/2018 với lý do hết hạn hợp đồng lao động là đúng quy định khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 47 của bộ luật lao động 2012.

Như vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu xác định Công ty đã đơn phương chấm chi trả 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động số RVL-HDL24052017-0178 từ tháng 5/2018 đến hết tháng 6/2018 là 55.000.000 đồng và bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động vì Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm bác các yêu cầu khởi kiện này của bà N là đúng quy định. Do đó, HĐXX có căn cứ không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nội dung này của bà N.

Đối với yêu cầu kháng cáo về việc buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn R có trách nhiệm trả trợ cấp thôi việc theo quy định của Điều 48 của Bộ luật Lao động năm 2012 do không đóng bảo hiểm thất nghiệp trong hai tháng thử việc và sáu tháng thai sản với số tiền là 13.750.000 đồng.

Theo Công văn số 212/BHXXH ngày 01/02/2024 của Bảo hiểm xã hội quận P, Công ty đã lập hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm

thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp cho bà N từ tháng 05/2017 đến tháng 04/2018. Bà N đã nhận tiền bảo hiểm xã hội một lần đối với quá trình nêu trên.

Theo Công văn số 726/BHXXH ngày 20/5/2024 Bảo hiểm xã hội quận P cho biết bà N nghỉ thai sản từ tháng 12/2017 đến tháng 4/2018. Trong thời gian thử việc và nghỉ thai sản thì người lao động và đơn vị sử dụng lao động không thuộc đối tượng đóng bảo hiểm thất nghiệp. Thời gian này cũng không tính là thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp (quy định tại khoản 6 Điều 42 văn bản hợp nhất số 2525/VBHN-BHXXH ngày 15/8/2013 của B1).

Như vậy, từ tháng 05/2017 đến tháng 04/2018, bà N và Công ty đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp, nên khoảng thời gian này không được tính vào khoảng thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc. Tổng thời gian thử việc và thời gian nghỉ thai sản chưa đủ 12 tháng. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 3 và khoản 4 Điều 14 của Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện này của bà N là có căn cứ.

Từ toàn bộ những nhận định trên và chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên toà, HĐXX không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

Án phí lao động sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn R phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 589.554 đồng.

Bà N được miễn án phí lao động sơ thẩm.

Án phí lao động phúc thẩm: Bà Võ Thị Tuyết N được miễn án phí lao động phúc thẩm.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 293, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết N. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 827/2024/LĐ-ST ngày 16

tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Tuyết N, cụ thể:

1.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn R có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Tuyết N phụ cấp cán bộ Công đoàn từ tháng 6/2017 đến tháng 11/2017 theo quy định pháp luật với số tiền là 3.375.000 đồng (Ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

1.2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn R có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Tuyết N tiền lương cho 09 (chín) ngày nghỉ hàng năm mà bà N chưa nghỉ với số tiền là 11.250.000 đồng (Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

1.3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn R có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Tuyết N tiền lãi chậm trả là 5.026.793 đồng (Năm triệu không trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm chín mươi ba đồng).

1.4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Tuyết N là:

2.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn R có trách nhiệm trả tiền lương theo hợp đồng lao động số RVL-HDL24052017-0178 từ tháng 5/2018 đến hết tháng 6/2018 với số tiền là 55.000.000 đồng do không gia hạn hợp đồng lao động đã ký kết đến hết nhiệm kỳ Ban chấp hành Công đoàn cơ sở theo khoản 6 Điều 192 Bộ luật lao động 2012 và Điều 25 Luật Công đoàn 2012.

2.2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn R có trách nhiệm trả trợ cấp thôi việc theo quy định của Điều 48 của Bộ luật Lao động năm 2012 do không đóng bảo hiểm thất nghiệp trong hai tháng thử việc và sáu tháng thai sản với số tiền là 13.750.000 đồng.

2.3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn R có trách nhiệm bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động vì đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012 với số tiền 55.000.000 đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Tuyết N là:

3.1. Công ty trả chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế trong thời gian Công ty đã giữ thẻ bảo hiểm y tế, số tiền tương đương ba tháng tiền công, tiền lương là 82.500.000 đồng.

3.2. Công ty G công khai trước toàn thể người lao động của Công ty về việc Công ty đã xúc phạm nhân phẩm bà N vào ngày 04/01/2018.

3.3. Công ty trả tiền lương, tiền công của tháng 3,4,và 5/2018 là khoảng thời gian bà N tham dự các buổi hòa giải, các phiên tòa liên quan đến hành vi Công ty đã trừ lương tháng 13 với số tiền 82.500.000 đồng.

3.4. Công ty trả trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp do Công ty không chốt sổ bảo hiểm xã hội dẫn đến việc bà N không hưởng được bảo hiểm thất nghiệp với số tiền 82.500.000 đồng.

3.5. Công ty đăng ký người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh thuế thu nhập cá nhân.

3.6. Công ty T1, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà N từ tháng 5/2018

3.7. Công ty mời bà N trở lại làm việc.

3.8. Ông Bùi Nguyễn Tâm Đ, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH R công khai xin lỗi tại tòa do ngày 04/01/2018 qua email gửi BGĐ Công ty, ông Đ đã xúc phạm nhân phẩm khi bà N gửi email yêu cầu công ty phát thẻ BHYT để khám chữa bệnh.

4. Án phí lao động sơ thẩm:

4.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn R phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 589.554 đồng (Năm trăm tám mươi chín nghìn năm trăm năm mươi bốn đồng).

4.2. Bà Võ Thị Tuyết N được miễn án phí lao động sơ thẩm.

5. Án phí lao động phúc thẩm: Bà Võ Thị Tuyết N được miễn án phí lao động phúc thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận;
- Đường sự;
- Lưu (T19).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng